

Bản án số: 530/2024/HS-PT
Ngày: 10/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H2, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 404/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đức L phạm tội “Giả mạo trong công tác”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H2.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: không, sinh năm 1989 tại H2; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H2; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Trung tâm Đ; Bố đẻ: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965; mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 26/5/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Nguyễn Đình T2 – Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; có mặt.

2. **Trần Đức L**, tên gọi khác: không, sinh năm 1996 tại H2; Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn B C, thị trấn V, huyện L, tỉnh H2; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đăng kiểm viên; Bố đẻ: Trần Đình V, sinh năm 1964; Mẹ đẻ: Trần Thị

C, sinh năm 1965; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 01/6/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức L: Luật sư Trần Thị Thanh B – Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ Nguyễn Thị N không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Đ (sau đây gọi tắt là Trung tâm) thuộc Công ty TNHH X được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động ngày 23/12/2020 có địa chỉ tại xã T, huyện K, tỉnh H2. Giám đốc, người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Văn T và có 06 đồng kiểm viên (gồm cả Nguyễn Văn T và Trần Đức L) cùng 05 nhân viên nghiệp vụ.

Tháng 7/2021, sau khi Nguyễn Văn T, Trần Đức L được Cục Đ1 cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo thì Trung tâm đủ điều kiện được nghiệm thu, kiểm định đăng kiểm đối với xe cơ giới cải tạo. Trong thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 5/2023, Nguyễn Văn T và Trần Đức L đã kiểm tra, nghiệm thu đối với 55 xe cơ giới cải tạo bắt buộc phải có hồ sơ thiết kế thi công gồm: 15 xe cơ giới được Công ty cổ phần D (Công ty D) do Mai Văn Q, sinh năm 1984, trú tại phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội làm Giám đốc lập hồ sơ thiết kế và 40 xe cơ giới được Công ty TNHH Ô (Công ty Ô) do Nguyễn Văn P, sinh năm 1991, trú tại thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội làm Giám đốc lập hồ sơ thiết kế.

Việc lập 55 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo xe cơ giới được nghiệm thu, kiểm định thực hiện như sau: Các chủ phương tiện, lái xe nhờ Nguyễn Văn T làm hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo thì T yêu cầu nộp tiền theo quy định là 8.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ, T thu thêm 500.000 đồng/xe nên thực tế các chủ phương tiện, lái xe phải trả là 8.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T chuyển 8.000.000 đồng/01 xe cho Nguyễn Văn P và Trần Trung H1, sinh năm 1988, trú tại xã C, huyện G, thành phố Hà Nội (là nhân viên Công ty D) để làm hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo, còn T lấy chênh lệch là 500.000 đồng/01 xe. Quá trình điều tra xác định T nhận được tiền chênh lệch khoảng 20 xe nên số tiền T được hưởng lợi là 10.000.000 đồng.

Sau khi hồ sơ thiết kế xe ô tô được Cục Đ1 thẩm định, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo thì các chủ phương tiện nhận hồ sơ và đưa xe đi cải tạo theo hồ sơ thiết kế. Khi xe cơ giới được cải tạo xong, chủ phương tiện đưa xe đến Trung tâm để kiểm tra, nghiệm thu, đăng kiểm. Theo

quy định của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ G trước khi cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo thì phải nghiệm thu, thành phần nghiệm thu xe cơ giới cải tạo là đăng kiểm viên đã được Cục Đ1 tập huấn nghiệp vụ về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định trong công tác cải tạo xe cơ giới và đại diện cơ sở thi công cải tạo xe.

Vì vậy, khi kiểm tra, nghiệm thu các phương tiện nêu trên, T liên hệ với Nguyễn Văn P và Trần Trung H1 để cử đại diện cơ sở thi công tham gia kiểm tra, nghiệm thu. Trên thực tế 02 Công ty này không thi công cải tạo xe nên không cử đại diện kiểm tra, nghiệm thu.

Mặc dù Công ty Ô và Công ty D không cử người cùng tham gia kiểm tra, nghiệm thu nhưng để đủ điều kiện cấp kiểm định, đăng kiểm cho các xe cơ giới cải tạo trên, Nguyễn Văn T và Trần Đức L vẫn tiến hành lập Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Để hợp thức biên bản có đầy đủ thành phần theo quy định, T cho chủ xe, lái xe hoặc người khác ký vào mục “Đại diện cơ sở thi công” và cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Trần Đức L biết rõ quy định về thành phần buổi kiểm tra nghiệm thu xe cải tạo, biết rõ Công ty Ô và Công ty D không cử người đến tham gia kiểm tra, nghiệm thu nhưng khi T thiết lập Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, ký vào mục “Đăng kiểm viên 2” thì L đã bỏ qua quy trình kiểm tra, nghiệm thu mà ký vào mục “Đăng kiểm viên 1” và đưa xe vào kiểm định, đăng kiểm.

Trong tổng số 55 Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo do T lập không có đại diện cơ sở thi công tham gia nhưng vẫn có chữ ký ở mục “Đại diện cơ sở thi công”, kết quả điều tra xác định được có 47 Biên bản là chữ ký của chủ xe hoặc lái xe hoặc người có liên quan ký; 08 Biên bản không xác định được lai lịch người ký tên. Như vậy, Nguyễn Văn T và Trần Đức L đã lập 55 Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giả để đưa 55 xe cơ giới cải tạo không đủ điều kiện vào kiểm định.

Quá trình điều tra, khám xét Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu gồm: 55 hồ sơ thiết kế, nghiệm thu xe ô tô hoán cải, các báo cáo tổng hợp công tác thu phí sử dụng đặc biệt, báo cáo kết quả công tác kiểm định. Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 USB chứa dữ liệu được thu giữ tại máy tính phòng làm việc của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 Pro màu vàng đồng; chị Nguyễn Thị N là vợ của T đã thay T nộp lại số tiền 10.000.000 đồng mà T đã thu lợi bất chính. Tạm giữ của Trần Đức L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 màu tím.

Tiến hành lấy lời khai các chủ phương tiện, lái xe của 47 xe ô tô xác định có giả mạo chữ ký của đại diện cơ sở thi công trong Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, các chủ phương tiện, lái xe khai: Số tiền làm hồ sơ hoán cải xe từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000

đồng, có trường hợp nhờ Nguyễn Văn T làm hồ sơ hoán cải thì chuyển tiền cho T, một số trường hợp nhờ người khác làm hồ sơ hoặc môi giới làm hồ sơ thì chuyển tiền cho người đó; Việc ký vào mục “Đại diện cơ sở thi công” trong Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, do cán bộ đăng kiểm bảo chủ phương tiện hoặc lái xe ký vào, một số trường hợp không nhớ là ai ký.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 12/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H2 đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 47, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L phạm tội “Giả mạo trong công tác”; Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2023; bị cáo Trần Đức L 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2023.

Phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L, mỗi bị cáo trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L đều có đơn kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L về tội “Giả mạo trong công tác”; áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 năm tù, Trần Đức L 08 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo L tuổi đời còn trẻ chỉ là người làm công ăn lương, các bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L, giảm cho mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Đồng tình về tội danh, tình tiết giảm nhẹ như nhận định của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T thành khẩn khai nhận hành vi, không có động cơ vụ lợi, có thành tích trong công tác, là lao động chính trong gia đình hoàn cảnh khó khăn

để giảm hình phạt cho bị cáo mức án thấp dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Đức L: Bị cáo xuất thân từ gia đình thuần nông, mới có thời gian công tác hơn 01 năm nên ít kinh nghiệm, chỉ là nhân viên hợp đồng lao động nên ngoài quy định của pháp luật về đăng kiểm còn phải tuân thủ chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Trung tâm, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp trên; bị cáo chỉ là hợp thức hoá hồ sơ nghiệm thu, chưa xảy ra hậu quả làm mất an toàn giao thông; Bị cáo thành khẩn khai báo, không có động cơ vụ lợi, phạm tội lần đầu, có vai trò đồng phạm không đáng kể, không gây thiệt hại, có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định có lợi cho bị cáo để giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, các bản Kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 5/2023, Nguyễn Văn T và Trần Đức L đã thiết lập 55 Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giả, T ký vào mục “*Đăng kiểm viên 2*”, Trần Đức L ký vào mục “*Đăng kiểm viên 1*” và cho chủ xe, lái xe hoặc người khác không phải đại diện cơ sở thi công ký giả vào mục “*Đại diện cơ sở thi công*”.

Nguyễn Văn T là người trực tiếp thiết lập 55 Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo có nội dung giả mạo về thành phần tham gia. Trong quá trình chủ phương tiện nhờ làm hồ sơ thiết kế xe cơ giới, T đã thu lời bất chính số tiền 10.000.000 đồng và đã nộp lại trong quá trình truy tố; Trần Đức L biết rõ không có người của cơ sở thi công tham gia kiểm tra, nghiệm thu, không tiến hành kiểm tra nghiệm thu nhưng vẫn cùng T ký 55 Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo bị giả mạo do T thiết lập.

Bởi hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L về tội “Giả mạo trong công tác” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan đăng kiểm, nếu không được ngăn chặn kịp thời có thể gây thiệt hại cho cá nhân và Nhà nước trong lĩnh vực đăng kiểm.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vị trí, vai trò và hành vi của các bị cáo, theo đó: Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Văn T là người trực tiếp thiết lập 55 Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo có nội dung giả mạo về thành phần tham gia; quá trình chủ phương tiện nhờ làm hồ sơ thiết kế nên giữ vai trò chính; Trần Đức L giúp sức biết rõ không có người của cơ sở thi công tham gia kiểm tra, nghiệm thu, không tiến hành kiểm tra nghiệm thu nhưng vẫn cùng T ký 55 Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo bị giả mạo do T thiết lập.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tích cực hợp tác với cơ quan chức năng khai nhận rõ hành vi phạm tội của bản thân và bị cáo khác góp phần mở rộng điều tra cũng như sớm kết thúc vụ án; bị cáo Nguyễn Văn T tác động gia đình nộp toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính; ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đức L đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn (được chính quyền địa phương xác nhận); bị cáo T có ông ngoại được tặng 01 Huân chương kháng chiến hạng Nhì, có thân nhân được tặng thưởng 01 Huy chương kháng chiến hạng Nhì, bố đẻ tham gia quân ngũ, bản thân bị cáo được tặng 01 Giấy khen của Học viện K; bị cáo Trần Đức L có ông nội được tặng 01 Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L xuất trình biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già yếu, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình có xác nhận và đề nghị của chính quyền địa phương; Nguyễn Văn T trình bày con còn nhỏ đang ở tuổi đi học, vợ không có việc làm ổn định.

Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L đều sinh ra trong gia đình có công với nước, là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; sau khi cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các phương tiện chưa gây hậu quả; Bị cáo T mặc dù có được hưởng lợi nhưng số tiền không đáng kể, đã tích cực tác động gia đình nộp lại toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính; bị cáo L tuổi đời còn trẻ, mới tốt nghiệp đại học chỉ là người làm công ăn lương, thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo, phân công của cấp trên, không có động cơ vụ lợi, giữ vai trò đồng phạm không đáng kể trong vụ án. Do đó có căn cứ giảm một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] Về án phí: Kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L. Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H2.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 47, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2023 về tội “Giả mạo trong công tác”;

Bị cáo Trần Đức L 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2023 về tội “Giả mạo trong công tác”

Cấm các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đức L đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0001210 ngày 12/3/2024 và Biên lai thu số 0001592 ngày 15/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H2.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H2;
- VKSND tỉnh H2;
- Cục THADS tỉnh H2;
- Các bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà